

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TP.BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 148/2021/HNGĐ – ST

Ngày 26/11/2021.

V/v: Xin ly hôn và con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Kam Ênuôl

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Tập

2. Bà Nguyễn Thị Bạ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Lê Viết Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXX – HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 113/2021/QĐST-NHGD ngày 28/10/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lê Huỳnh P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ liên gia 3, tổ dân phố 9, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:**

Tôi và anh Lê Huỳnh P tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B vào ngày 14/8/2000

Quá trình chung sống, vợ chồng sống chung được thời gian thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường uống rượu say xỉn về nhà

đánh đập, chửi bới tôi. Hiện nay, tôi không còn tình cảm với anh P và mỗi lần say xin anh P lại đánh đập tôi nên tôi không thể chịu đựng được. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn và mối quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng không còn có thể tiếp tục duy trì. Vì vậy, nguyện vọng của tôi là vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Lê Huỳnh Ánh T, sinh ngày 11/11/2000 và cháu Lê Huỳnh Kỳ D, sinh ngày 08/4/2008. Đối với cháu Lê Huỳnh Ánh T hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, còn đối với cháu Lê Huỳnh Kỳ D nếu ly hôn thì tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

**\* Quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn anh Lê Huỳnh P trình bày:**

Tôi và chị Nguyễn Thị Kim L có chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B vào ngày 14/8/2000 sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đôi lúc do uống rượu say xin không kiểm soát được bản thân nên thỉnh thoảng tôi có đánh vợ tôi, tôi nhận thấy việc tôi say xin đánh đập vợ tôi như vậy là sai và tôi sẽ cố sửa chữa, khắc phục lỗi của tôi. Hiện nay, tôi vẫn còn tình cảm với vợ tôi nên tôi có nguyện vọng là hai vợ chồng được đoàn tụ lại với nhau và tôi không đồng ý ly hôn theo như đơn ly hôn của chị L.

- Về con chung: Quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 con chung:

1. Cháu Lê Huỳnh Ánh T, sinh ngày 11/11/2000

2. Cháu Lê Huỳnh Kỳ D, sinh ngày 08/4/2008

Vì nguyện vọng của tôi là không muốn ly hôn nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét về vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Huỳnh P.

*Về con chung:* Giao cháu Lê Huỳnh Kỳ D, sinh ngày 08/4/2008 cho chị Nguyễn Thị Kim L được trực tiếp chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành. Đối với cháu Lê Huỳnh Ánh T, sinh ngày 11/11/2000 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Lê Huỳnh P được quyền đi lại thăm non con chung không ai có quyền cản trở.

*Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu anh Lê Huỳnh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Lê Huỳnh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh Phúc tại phiên Tòa: Anh P đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh P vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt anh P là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

Giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Lê Huỳnh P có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B vào ngày 14/8/2000 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Kim P.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa chị L và anh P có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án giữa chị L và anh P đều xác định anh P thường hay uống rượu về nhà có đánh đập chị L, mặc dù chị L đã cho anh P nhiều cơ hội sửa chữa nhưng anh P vẫn không thay đổi cho tới nay không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L đối với anh Lê Huỳnh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị L và anh P có 02 con chung là cháu Lê Huỳnh Ánh T, sinh ngày 11/11/2000 và cháu Lê Huỳnh Kỳ D, sinh ngày 08/4/2008 sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Lê Huỳnh Kỳ D đến tuổi trưởng thành, còn đối với cháu Lê Huỳnh Ánh T đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Ngoài ra, trong quá trình làm việc với Tòa án bản thân cháu Lê Huỳnh Kỳ D có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Kim L. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý cho cháu D, nên cần giao cháu D, sinh ngày 08/4/2008 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Đối với cháu Lê Huỳnh Ánh T, sinh ngày 11/11/2000 hiện nay đã trên 18 tuổi có gia đình riêng, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Lê Huỳnh P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị L không yêu cầu anh Phúc phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim

L. Cho chị Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Huỳnh P.

- Về con chung: Giao cháu Lê Huỳnh Kỳ D, sinh ngày 08/4/2008 cho chị Nguyễn Thị Kim L được trực tiếp chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành.

Anh Lê Huỳnh P được quyền đi lại thăm non con chung không ai có quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim L không yêu cầu anh Lê Huỳnh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

**Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm mà chị Nguyễn Thị Kim L đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0003852 ngày 14/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- .....;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Y Kam Ênuôl**